

第2轮, 第1台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 1
 白方 White: Enerol 国籍 Federation: MGL 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: Enkh-Uyaga 国籍 Federation: MGL 等级分 Rating: 1199

组别 Group
G2

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	Nf3
2	Bf4	g6
3	Nf3	d5
4	e3	Bg7
5	Re2	c5
6	c3	00
7	00	Nc6
8	Nbd2	e5
9	Ne5	Qb6
10	Qb3	Nd7
11	Qb6	ab
12	Nc6	bc
13	a3	cd
14	ed	e5
15	de	Ne5
16	Nf3	Nf3
17	Bf3	Bf5
18	Rc1	Rf8
19	c5	Bb2
20	Bh6	ba1
21	Rg1	Bd2 Bg4
22	Bf2	Kg8 Bg2
23	Rc2 Kg2	Re2
24	cd	cd
25	Re1	h6
26	Kc6	Kf7
27	Rc7	Re7
28	Rc6	g5
29	h4	Re6
30	Rc7	Kg6

	White	Black
31	hg	fg
32	Bg7	Rg3
33	Bb2	Rb5
34	bl4	Rg7 b5
35	Rg7	Kh6
36	fs	Rg6
37	Re7	Rb1
38	Re3	Kh5
39	bf2	Rh2
40	Rd5	Reb6 -
41	Kg5	Ree2
42	Bh4	Kg2
43	Kh3	Rh2
44	Kg3	Rhg2
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black
--------------	--------------

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第1台

日期 Date: 2018. 轮次 Round: 2 台次 Board: 1
 白方 White ENEREL 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 黑方 Black Enkh-Uyaga 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	Kf6
2	Cf4	g6
3	Kf3	d5
4	e3	Cg7
5	ce2	c5
6	ced	o-o
7	o-o	Kc6
8	Kb2	e6
9	Ke5	Qb6
10	Qb3	Kd7
11	Qbb	ab a3
12	Kc6	Bc
13	cd	ed
14	e5	de
15	Ke5	K1
16	Kf3	Kf3
17	Cf3	Cf5
18	Lfc1	Lfe8
19	c4	cb2
20	Ch6	Ca1
21	La1	Ce4
22	ce2	Cg2
23	KPg2	Le2
24	cd	cd
25	lc1	F6
26	le6	KPf7
27	lc7	le7
28	lc6	g5
29	h4	le6
30	lc7	KPg6

	White	Black
31	hg	Fg
32	Cg7	La3
33	CB2	lb3
34	Cd4	b5
35	lg7	KPh6
36	F3	lg6
37	le7	lb1
38	le5	KPh5
39	Cf2	lb2
40	ld5	le6
41	KPg3	le2
42	Cd4	lg2
43	KPh3	lh2
44	KPg3	lg2
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black Enkh-Uyaga
--------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘白茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第2台

日期 Date: 2018.8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 2
 白方 White: 曹怡欣 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: 陈雨菲 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0

组别 Group: G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	c3	Qe7
5	d4	exd4
6	O-O	dxc3
7	Nxc3	b6
8	Bg5	Nf6
9	Nd5	Qd7
10	Bxf6	Rg8
11	Qd2	b6
12	Qg5	Bb7
13	Bxg7	Qc8
14	Bb5	a6
15	Bxc6+	Bxc6
16	Qe7#	
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 曹怡欣	黑方 Black 陈雨菲
裁判 Arbiter 刘自如	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第2台

日期 Date: 8/3/2018 轮次 Round: 2 台次 Board: 2
 白方 White 曾山欣 国籍 Federation China 等级分 Rating 0
 黑方 Black yu fei 国籍 Federation SAP 等级分 Rating 0
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
女 G8

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	c3	Qe7
5	d4	exd4
6	O-O	dxc3
7	Nxc3	d6
8	Bg5	Nf6
9	Nd5	Qd7
10	Bxf6	Rg8
11	Qd2	b6
12	Qo5	Bb7
13	Bxg7	Qc8
14	Bb5	a6
15	Bxc6	Bxc6
16	Qe7#	
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>曾山欣</u>	黑方 Black <u>陈雨非</u>
裁判 Arbiter <u>刘自菲</u>	



第2轮, 第3台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8月3日 轮次 Round: 2 台次 Board: 3

白方 White: 蔡涵秋 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

黑方 Black: 赵芸卿 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group: G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	d6
3	d4	c6
4	Nf4	Nf6
5	Nc3	g6
6	Bg5	Bg7
7	f4	O-O
8	Bc4	Nc6
9	Nc6	bc
10	Qd3	Rb8
11	b3	Ne4
12	Ne4	Ba1
13	O-O	Bg7
14	h3	Bd5
15	g4 Bd5	c4
16	Nc5	Qb6
17	Be7	Re8
18	Qd5	Rc7
19	Kh1	Bf5
20	Rc1	Rd8
21	Qc4	Rde8
22	Kh2	Qd6
23	Kh1	Bh6
24	Nd3	Bd3
25	c4	Re1
26	Re1	Re1
27	Kh2	Bf4
28	g3	Bg3
29	Kg2	Re2
30	Kg1	Qb6

	White	Black
31	Kf1	Qf2
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>蔡涵秋</u>	黑方 Black <u>赵芸卿</u>
裁判 Arbiter <u>刘自如</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 3
 白方 White: 蔡海秋 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: 赵芸卿 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0

组别 Group
女子 G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	d6
3	d4	cd
4	Nd4	Nf6
5	Nc3	g6
6	Bg5	Bd7
7	f4	0-0
8	Bc4	Nc6
9	Nc6	bc
10	Qd3	Rb8
11	b3	Ne4
12	Ne4	Bd1
13	0-0	Bd7
14	h3	d5
15	Bd5	cd
16	Nc5	Qb6
17	Be7	Re8
18	Qd5	Re7
19	Kh1	Bf5
20	Rc1	Rd8
21	Qc4	Rde8
22	Kh2	Qd6
23	Kh1	Bh6
24	Nd3	Bd3
25	cd	Re1
26	Re1	Re1
27	Kh2	Bf4
28	g3	Bd3
29	Kg2	Re2
30	Kg1	Qb6

	White	Black
31	Kf1	Qf2#
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>蔡海秋</u>	黑方 Black <u>赵芸卿</u>
裁判 Arbiter <u>刘白茹</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第4台

日期 Date: 2018.8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 4
 白方 White: 郭诗然 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Liu Tianyi 国籍 Federation: 香港 等级分 Rating: _____

组别 Group
G8#

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	c6
3	cd	cd
4	Nc3	Nf6
5	Bg5	e6
6	e3	Nbd7
7	Nf3	h6
8	Bh4	ab
9	h3	Bd6
10	Bd3	abb
11	Qc2	Qc7
12	Rc1	b5
13	Nb5	ab
14	Qc7	Bc7
15	Rc7	Bab
16	o-o	o-o
17	Rfc1	b4
18	Bab	Ra6
19	Rb7	Ra2
20	Rb4	Ne4
21	Rb7	Nf6
22	Ne5	Nd6
23	Rb4	Nf5
24	Bf6	g4
25	Nd7	Rd8
26	Nf6	Kg7
27	Ng4	Nd6
28	Ne5	Ra6
29	b3	Ra2
30	Rb6	Ne4

	White	Black
31	f3	Nd2
32	Rc7	Rf8
33	Rbb7	Kh8
34	Nf7	Kg8
35	Nh6	Kh8
36	Rh7#	
37	f0	
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 郭诗然	黑方 Black Liu Tianyi
	xi

裁判 Arbiter

刘白茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship

第2轮, 第4台



日期 Date: 8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 4 组别 Group: G8
 白方 White: 郭诗然 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Liu Tianyi 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	c6
3	cd	cd
4	Nc3	Nf6
5	Bg5	e6
6	e3	Nbd7
7	Nf3	h6
8	Bh4	a6
9	h3	Bd6
10	Bd3	Qb6
11	Qc2	Qc7
12	Rc1	b5
13	Nb5	a6
14	Qc7	Bc7
15	Rc7	Ba6
16	O-O	O-O
17	Rfc1	b4
18	Ba6	Ra6
19	Rb7	Ra2
20	Rb4	Ne4
21	Rb7	Nf6
22	Ne5	Nd6
23	Rb4	Nf5
24	Bf6	g7
25	Nb7	Rd8
26	Nf6	Kg7
27	Ng4	Nd6
28	Ne5	Ra6
29	b3	Ra2
30	Rb6	Ne4

	White	Black
31	f3	0Nd2
32	Rc7	Rf8
33	Rb7	Kh8
34	Nf7	Kg8
35	Nh6	Kh8
36	Rh7#	
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
郭诗然	Li Liu Tianyi
裁判 Arbiter	
刘白茹	



第2轮, 第5台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8月3日 轮次 Round: 2 台次 Board: 5
 白方 White 解海法 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 黑方 Black Erksaran 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bc5
4	Nc3	Nf6
5	a0	a0
6	d3	h6
7	Nb4	Na5
8	Nc5	Nc5
9	d4	ed
10	Nd4	Ne4
11	Qh5	d5
12	Bb5	c5
13	Bd3	Nd3
14	cd	Nf6
15	Qd5	Re8
16	Qf4	Re7
17	Be3	Qc7
18	Qf3	Bd7
19	Bc4	Bg4
20	Qg3	Qd7
21	Re1	Re8
22	Be3	Qc7
23	Qh4	g5
24	Qh6	Qd5
25	h3	Qf4
26	Bf4	Re1
27	h2	g5
28	Kn2	g5
29	Qg5	Kf8
30	Nd6	Rf1

	White	Black
31	Qf6	Bf3
32	Qf7	
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 解海法	黑方 Black 2
-----------------	---------------

裁判 Arbiter

刘白茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship

第2轮, 第5台



日期 Date: 8月3号 轮次 Round: 2 台次 Board: 5

白方 White Xie Canqing 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____

黑方 Black Erhsoran 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	—	—
2	—	—
3	—	—
4	—	—
5	—	—
6	—	—
7	—	—
8	—	—
9	—	—
10	—	—
11	—	—
12	—	—
13	—	—
14	—	—
15	—	—
16	—	—
17	—	—
18	—	—
19	—	—
20	—	—
21	—	—
22	—	—
23	—	—
24	—	—
25	—	—
26	—	—
27	—	—
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <input checked="" type="checkbox"/>	黑方 Black <input checked="" type="checkbox"/>
<u>解军清</u>	<u>2</u>

裁判 Arbiter

刘自如



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第6台

日期 Date: 20181813 轮次 Round: 2 台次 Board: 6

白方 White: URAH900 国籍 Federation: MGSL 等级分 Rating: 0

黑方 Black: xue 国籍 Federation: china 等级分 Rating: 0

组别 Group
B8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2	Mf3	Mc6
3	Tb5	g6
4	Nc3	Tf7
5	d3	d6
6	b3	Mf8
7	Tf3	0-0
8	0-0	Td7
9	Tf7	Tc8
10	Tpb1	A6
11	Tc4	b5
12	Tb3	e6
13	A4	b4
14	Me2	b7
15	d4	A5
16	d5	Me5
17	Me5	d7
18	d7	Te6
19	Te6	b7
20	c8	Tfd8
21	b7	b3
22	Tpd1	c4
23	Tf6	Tpd1
24	b1	Tb6
25	Mg3	b6
26	b7	Tpd8
27	Tpa1	Tpd6
28	Tpa3	Tpd3
29	b7	Tpd2
30	b7	Tpb1

	White	Black
31	b1	Tpd2
32	b7	b6
33	Tpa1	b2
34	Tpb1	f3
35	Mf1	Tpe2
36	Tpd1	Tpe1
37	Tpd3	c6
38	f3	b7
39	g4	Tpf1
40	Hg2	b7
41	b4	H/b f2
42	Hb3	
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>URAH900</u>	黑方 Black <u>xue</u>
裁判 Arbiter <u>刘自如</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第2轮, 第6台

日期 Date: 2018.8.3 轮次 Round: 2 台次 Board: 6
 白方 White: _____ 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 李洪好 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 0
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G8

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	Nc6
3	Bg5	g6
4	Nc3	Bg7
5	d3	d6
6	h3	Nf6
7	Be3	00
8	00	Bd7
9	Re1	Rc8
10	Rb1	a6
11	Bc4	b5
12	Bb3	e6
13	a4	b4
14	Ne2	Qe7
15	d4	a5
16	d5	Ne5
17	Ne5	de5
18	de6	Be6
19	Be6	Qe6
20	c3	Rfd8
21	Qc1	b3
22	Rd1	c4
23	Bh6	Rd1
24	Qd1	Bh6
25	Ng3	Qc6
26	Qf3	Rd8
27	Ra1	Rd6
28	Ra3	Rd3
29	Qe2	Rd2
30	Qe1	Qb2

	White	Black
31	Qa1	Rd2
32	Qe1	Qd6
33	Ra1	b2
34	Rb1	Qd3
35	Na1	Re2
36	Rd1	Re1
37	Rd3	cd3
38	f3	b1=Q
39	g4	Rf1
40	Kg2	Qe1
41	h4	Qf2
42	Kh2	Rh3 #
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White URAI URAH 900	黑方 Black XUE
裁判 Arbiter 刘白茹	

